TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2019
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH B

- Với thành phần HĐXX xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công G.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Th

2/ Ông Hồ Xuân D.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình D – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng L – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý 253/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HDGĐ ngày 10/6/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Huyền H sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn M, xã X, thị xã S, tỉnh Ph, có mặt;

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Thành H sinh năm 1992; nơi cư trú: Số nhà 35/19/1 Đô Đốc Tuyết, khu vực N, phường Đ, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Chị Trần Thị Huyền H là nguyên đơn trình bày:* Sau 02 năm quen, yêu nhau, chị với anh Nguyễn Thành H tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã A ngày 06/11/2012. Vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ chồng tại N, phường Đ, thị xã A. Năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H đam mê cờ bạc, dẫn đến nợ nần nên vợ chồng thường xuyên bất hòa. Chị đã nhiều lần động viên, khuyên giải nhưng anh H vẫn không sửa chữa, khắc phục mà vẫn tiếp tục

cờ bạc. Năm 2015, mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên chị đã về Ph sống với mẹ ruột đến nay. Từ đó đến nay, chị với anh H không hề gặp nhau và chấm dứt cuộc sống chung. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh H.

Chị với anh H không có con chung.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung, quyền lợi và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị với anh H.

* Bị đơn anh Nguyễn Thành H đã được Tòa án tống đạt các Quyết định tố tụng, Giấy triệu tập hiện anh H có mặt tại ở địa phương nhưng cố tính không hợp tác, không cung cấp lời khai. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh Nguyễn Thành H và chị Trần Thị Huyền H đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã A, tỉnh B ngày 06/11/2012. Anh Nguyễn Thành H và chị Trần Thị Huyền H không có con chung.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; chị H và anh H không có con chung; chị H không yêu cầu tranh chấp về tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán trong quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ các trình tự tố tụng đúng theo quy định pháp luật, tuy nhiên do không triệu tập và làm việc được với anh H nên vụ án đã quá thời hạn xét xử

- Về nội dung: Đề nghị HDDXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Huyền H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh Nguyễn Thành Hi. Nhưng anh H vẫn không chấp hành mặc dù anh đang cư trú và làm việc tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án phối hợp với Công an phường Đ, UBND phường Đ đến nơi cư trú, nơi làm việc để ghi lời khai nhưng anh H cố tình trốn tránh, không hợp tác nên không ghi được lời khai của anh H. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt Thông báo kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa đúng theo quy định pháp luật nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Hiền.

[2] Chị Trần Thị Huyền H và anh Nguyễn Thành H đăng ký và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã A, tỉnh B ngày 06/11/2012. Theo quy

định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp.

[3] Chị H xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013, nguyên nhân là do anh H đam mê cờ bạc, dẫn đến nợ nần nên vợ chồng thường xuyên bất hòa. Chị đã nhiều lần động viên, khuyên giải anh H và anh H nhưng vẫn không có kết quả. Năm 2015, mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng nên chị về Ph ở với cha mẹ chị đến nay. Qua làm việc với Ban cán sự và nhân dân khu vực N, phường Đ, thị xã A nơi anh H cư trú đều xác định: Chị H và anh H kết hôn năm 2012, sau đó vợ chồng thuê nhà trọ ở N, phường Đ sinh sống. Vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, nên thường xuyên kình cải, xích mích. Đến năm 2015, chị H và anh H chấm dứt cuộc sống chung cho đến nay. Như vậy có thể thấy rằng vợ chồng chị Hu anh H có phát sinh mâu thuẫn năm 2013, đến năm 2015, cả hai anh chị tự chấm dứt cuộc sống chung đến nay và từ đó đến nay cả hai anh chị không ai quan tâm, chia sẻ tình cảm, công việc của nhau, không còn tình cảm vợ chồng. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù với thực trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh H.

[4] Trong thời kỳ hôn nhân, giữa chị H và anh H không có con chung.

[5 Về tranh chấp tài sản: Tại phiên tòa, chị Trần Thị Huyền H vẫn giữ nguyên yêu cầu không tranh chấp tài sản chung, quyền lợi và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị với anh H. Yêu cầu của chị H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Huyền H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Huyền H. Chị Trần Thị Huyền H được ly hôn với anh Nguyễn Thành H.

2. Chị Trần Thị Huyền H và anh Nguyễn Thành H không có con chung.

3. Chị Trần Thị Huyền H không yêu cầu tranh chấp tài sản chung, quyền lợi và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời hôn nhân giữa chị với anh Nguyễn Thành H.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Huyền H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008736 ngày 22/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND phường Đ;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Công G